

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Phúc Vượng; Ông Vàng A Kỳ

- **Thư ký phiên toà:** Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: bản N1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1996; Nơi cư trú: bản N1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Vàng Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C về chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 14/3/2017 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh C hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, chị và anh C chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Sau 03 năm chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi lần cãi vã thì anh C thường đánh đập chị. Chị và anh C sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Qua thời gian ly thân, bản thân chị nhận thấy bản

thân không còn tình cảm với anh C, hôn nhân giữa chị và anh C không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc H, sinh ngày 18/01/2017. Hiện nay con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng với anh C và bố mẹ anh C tại bản N1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Bản thân chị hiện không có khả năng chăm sóc con do chưa có chỗ ở ổn định nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh cố tình không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn với chị N. Tuy nhiên, theo lời khai của bố đẻ anh C cung cấp thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị N và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng vì hiện tại con chung đang ở với anh và bố mẹ anh; tài sản không có gì nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Thị N và xem xét quyết định: Chị N được ly hôn với anh C; giao con chung Hoàng Thị Ngọc H cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; do anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và chị N và anh C

không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên không đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hoàng Văn C có nơi cư trú tại bản N1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần 2 nên xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N và anh Hoàng Văn C về chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 14/3/2017. Việc kết hôn giữa chị N và anh C hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh C hạnh phúc được khoảng 03 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh C và chị N thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh C đánh đập chị N vô cớ. Anh C biết việc chị N xin ly hôn thì nhất trí nhưng bỏ mặc chị N tự làm các thủ tục ly hôn tại Tòa án. Xác minh tại Ủy ban xã P thì anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, anh chị mâu thuẫn từ lâu nhưng không đề nghị Ủy ban hòa giải nên không rõ nguyên nhân. Xét thấy thời gian mâu thuẫn giữa chị N và anh C kéo dài từ năm 2018 và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đặc biệt là hiện tại bản thân chị N không còn tình cảm gì với anh C, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C là đảm bảo quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: con chung hiện nay đang ở cùng anh C và bố mẹ anh C tại bản N1, xã P. Chị N không có nguyện vọng được nuôi con và đề nghị Tòa án giao con Hoàng Thị Ngọc H cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị N không có nguyện vọng muốn giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay chị chưa có chỗ ở ổn định và từ khi sống ly thân đến nay con chung ở với anh C và ông bà nội ổn định. Hơn nữa, nguyện vọng của con chung cũng mong

muốn được ở với bố. Tuy anh C không trực tiếp có ý kiến nhưng thông qua bố để anh C thể hiện anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung là Hoàng Thị Ngọc H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị N, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Ngọc H, sinh ngày 18/01/2017 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Vàng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Văn C không yêu cầu chị Vàng Thị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Vàng Thị N, anh Hoàng Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Vàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000866

ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Dương Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA